

Số: **1243**/UBND-TM  
V/v báo cáo kết quả thực  
hiện các Kiến nghị của Kiểm  
toán Nhà nước

Quảng Trị, ngày **08** tháng **4** năm 2021

Kính gửi: Kiểm toán Nhà nước

Thực hiện Văn bản số 384/KTNN-TH ngày 19/11/2020 của Kiểm toán Nhà nước về việc báo cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh Quảng Trị.

UBND tỉnh Quảng Trị báo cáo tình hình thực hiện kiến nghị về xử lý tài chính ngân sách địa phương năm 2019 của Kiểm toán Nhà nước (đến ngày 29/3/2021) như sau:

- |                                 |                |             |
|---------------------------------|----------------|-------------|
| 1. Tổng số kiểm toán kiến nghị: | 99.484.597.095 | đồng;       |
| 2. Tổng số thực hiện:           | 95.212.341.990 | đồng; (96%) |
| 3. Tổng số chưa thực hiện       | 4.272.255.105  | đồng; (4%)  |

Trong đó:


- Thu hồi nợ ngân sách nhà nước: 9.556.000 đồng;
- Giảm dự toán, thanh toán năm sau: 1.108.026.105 đồng;
- Giảm giá trị hợp đồng: 3.154.673.000 đồng;

(Chi tiết có Phụ biểu kèm theo)

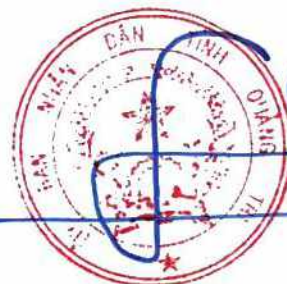
- Các khoản thu hồi nợ ngân sách: các cơ quan, đơn vị đang thực hiện;
- Các khoản giảm dự toán, giảm thanh toán và giảm giá trị hợp đồng: địa phương đã đôn đốc thực hiện, tuy nhiên các công trình chưa hoàn thành, các chính sách chế độ đang quyết toán nên chưa hoàn thành thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

UBND tỉnh Quảng Trị tiếp tục đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan thực hiện nghiêm kiến nghị của Kiểm toán nhà nước. /

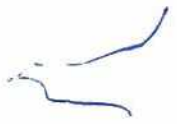
Nơi nhận:

- Như trên;
- Kiểm toán Nhà nước KVII;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, TM. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Đức Tiến





**TỔNG HỢP**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN NĂM 2019 TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**Đến thời điểm 29/3/2021**

*Đơn vị tính: đồng*

T T	Chỉ tiêu	Số kiến nghị kiểm toán	Số thực hiện của đơn vị	Số chưa thực hiện	Tỷ lệ thực hiện
<b>I</b>	<b>Giảm chi thường xuyên</b>	<b>54.944.257.927</b>	<b>54.078.689.727</b>	<b>865.568.200</b>	<b>98%</b>
1	Thu hồi kinh phí thừa nộp ngân sách nhà nước	41.361.340.000	41.361.340.000	0	100%
2	Giám dự toán, giám thanh toán năm sau	13.582.917.927	12.717.349.727	865.568.200	94%
<b>II</b>	<b>Giảm chi đầu tư xây dựng</b>	<b>44.540.339.168</b>	<b>41.133.652.263</b>	<b>3.406.686.905</b>	<b>92%</b>
1	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi	458.748.552	449.192.552	9.556.000	98%
2	Giám dự toán, giám thanh toán năm sau	1.071.339.287	828.881.382	242.457.905	77%
3	Giám giá trị hợp đồng	19.506.225.941	16.351.552.941	3.154.673.000	84%
4	Thu hồi các khoản phải nộp NSNN nhưng chưa nộp	23.504.025.388	23.504.025.388	0	100%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>99.484.597.095</b>	<b>95.212.341.990</b>	<b>4.272.255.105</b>	<b>96%</b>

**PHỤ LỤC 01**  
**KIỆN NGHỊ THU HỒI VÀ GIẢM CHI THƯỜNG XUYÊN NSNN NĂM 2019**  
 (Kèm theo Công văn số **1242/UBND-TM** ngày **08/4/2021** của UBND tỉnh **Q. Tri**)

ĐVT: đồng

TT	Đơn vị	Chỉ tiêu	Tổng số	Thu hồi kinh phí thừa nộp NSNN	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau
	<b>TỔNG SỐ</b>				
		Số KTNN kiến nghị (1)	54.944.257.927	41.361.340.000	13.582.917.927
		Số thực hiện của đơn vị (2)	54.078.689.727	41.361.340.000	12.717.349.727
		Số chưa thực hiện (3=1-2)	865.568.200	0	865.568.200
		Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	98%	100%	94%
<b>A</b>	<b>NỘP TRẢ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>				
<b>I</b>	<b>NỘP TRẢ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</b>				
<b>1</b>	<b>Kiểm toán tổng hợp tại Sở Tài chính</b>				
		Kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ CSXH theo Quyết định số 28/QĐ-TTg và Quyết định số 60/QĐ-TTg của TTCP	0		
		Số KTNN kiến nghị (1)	8.235.000.000	8.235.000.000	
		Số thực hiện của đơn vị (2)	8.235.000.000	8.235.000.000	
		Số chưa thực hiện (3=1-2)	0	0	
		Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%	100%	
<b>I</b>	<b>NỘP TRẢ NGÂN SÁCH TỈNH</b>				
<b>1</b>	<b>Kiểm toán tổng hợp tại Sở Tài chính</b>				
<b>1.1</b>	<b>Thành phố Đông Hà</b>				
		Kinh phí hỗ trợ người có công với Cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg	0		
		Số KTNN kiến nghị (1)	760.000.000	760.000.000	
		Số thực hiện của đơn vị (2)	760.000.000	760.000.000	
		Số chưa thực hiện (3=1-2)	0	0	
		Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%	100%	
		Dự toán tính giao kinh phí hoạt động năm 2019 của Trung tâm Chi cục Dân số và KHH gia đình huyện	0		
		Số KTNN kiến nghị (1)	530.000.000	530.000.000	
		Số thực hiện của đơn vị (2)	530.000.000	530.000.000	
		Số chưa thực hiện (3=1-2)	0	0	
		Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%	100%	
<b>1.2</b>	<b>Huyện Triệu Phong</b>				
		Dự toán tính giao kinh phí hoạt động năm 2019 của Trung tâm Chi cục Dân số và KHH gia đình huyện	0		
		Số KTNN kiến nghị (1)	473.171.000	473.171.000	
		Số thực hiện của đơn vị (2)	473.171.000	473.171.000	
		Số chưa thực hiện (3=1-2)	0	0	
		Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%	100%	
		Kinh phí hỗ trợ cán bộ ở thôn, xóm, xã, thị trấn trực tiếp tham gia quản lý, ổn định tình hình, thống kê thẩm định kinh phí bồi thường thiệt hại do sự cố ô nhiễm môi trường biển	0		
		Số KTNN kiến nghị (1)	799.200.000	799.200.000	
		Số thực hiện của đơn vị (2)	799.200.000	799.200.000	
		Số chưa thực hiện (3=1-2)	0	0	
		Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%	100%	
		Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh, sinh viên bị ảnh hưởng môi trường biển			
		Số KTNN kiến nghị (1)	41.670.000	41.670.000	
		Số thực hiện của đơn vị (2)	41.670.000	41.670.000	
		Số chưa thực hiện (3=1-2)	0	0	
		Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%	100%	
<b>2</b>	<b>Kiểm toán tại các huyện</b>				

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Thu hồi kinh phí thừa nộp NSNN	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau
	Đơn vị			
<b>2.1</b>	<b>Huyện Cam Lộ</b>			
	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tiền lương, hỗ trợ BHXH, BHYT, BHTN đối với người lao động vị trí nấu ăn trong các trường MN công lập theo Quyết định số 2610/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị</b>			
	Số KTNN kiến nghị (1)	15.723.000	15.723.000	
	Số thực hiện của đơn vị (2)	15.723.000	15.723.000	
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0	0	
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%	100%	
<b>2.1</b>	<b>Huyện Hải Lăng</b>			
	<b>Kinh phí hỗ trợ người có công với Cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg</b>	0		
	Số KTNN kiến nghị (1)	1.040.000.000	1.040.000.000	
	Số thực hiện của đơn vị (2)	1.040.000.000	1.040.000.000	
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0	0	
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%	100%	
	<b>Dự toán tính giao kinh phí hoạt động năm 2019 của Trung tâm Chi cục Dân số và KHH gia đình huyện</b>	0		
	Số KTNN kiến nghị (1)	510.000.000	510.000.000	
	Số thực hiện của đơn vị (2)	510.000.000	510.000.000	
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0	0	
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%	100%	
<b>2.3</b>	<b>Huyện Vĩnh Linh</b>			
	<b>Kinh phí hỗ trợ người có công với Cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg</b>			
	Số KTNN kiến nghị (1)	15.080.000.000	15.080.000.000	
	Số thực hiện của đơn vị (2)	15.080.000.000	15.080.000.000	
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0	0	
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%	100%	
	<b>Dự toán tính giao kinh phí hoạt động năm 2019 của Trung tâm Chi cục Dân số và KHH gia đình huyện</b>			
	Số KTNN kiến nghị (1)	434.500.000	434.500.000	
	Số thực hiện của đơn vị (2)	434.500.000	434.500.000	
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0	0	
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%	100%	
	<b>Dự toán sự nghiệp giáo dục: Trường THCS Lý thường Kiệt</b>			
	Số KTNN kiến nghị (1)	2.223.000.000	2.223.000.000	
	Số thực hiện của đơn vị (2)	2.223.000.000	2.223.000.000	
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0	0	
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%	100%	
<b>2.4</b>	<b>Huyện Đakrông</b>			
	<b>Kinh phí hỗ trợ người có công với Cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg</b>			
	Số KTNN kiến nghị (1)	480.000.000	480.000.000	
	Số thực hiện của đơn vị (2)	480.000.000	480.000.000	
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0	0	
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%	100%	
	<b>Dự toán tính giao kinh phí hoạt động năm 2019 của Trung tâm Chi cục Dân số và KHH gia đình huyện</b>			
	Số KTNN kiến nghị (1)	343.000.000	343.000.000	
	Số thực hiện của đơn vị (2)	343.000.000	343.000.000	
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0	0	
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%	100%	
<b>2.5</b>	<b>Huyện Hướng Hóa</b>			
	<b>Kinh phí hỗ trợ người có công với Cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg</b>			
	Số KTNN kiến nghị (1)	2.120.000.000	2.120.000.000	
	Số thực hiện của đơn vị (2)	2.120.000.000	2.120.000.000	

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Thu hồi kinh phí thừa nộp NSNN	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau
	Đơn vị			
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0	0	
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%	100%	
	<b>Dự toán tình giao kinh phí hoạt động năm 2019 của Trung tâm Chi cục Dân số và KHH gia đình huyện</b>			
	Số KTNN kiến nghị (1)	324.000.000	324.000.000	
	Số thực hiện của đơn vị (2)	324.000.000	324.000.000	
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0	0	
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%	100%	
<b>2.6</b>	<b>Huyện Gio Linh</b>			
	<b>Kinh phí hỗ trợ người có công với Cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg</b>			
	Số KTNN kiến nghị (1)	3.440.000.000	3.440.000.000	
	Số thực hiện của đơn vị (2)	3.440.000.000	3.440.000.000	
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0	0	
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%	100%	
	<b>Kinh phí chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng ngô vụ Hè thu năm 2017 và năm 2018</b>			
	Số KTNN kiến nghị (1)	5.760.000	5.760.000	
	Số thực hiện của đơn vị (2)	5.760.000	5.760.000	
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0	0	
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%	100%	
	<b>Kinh phí thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển KTXH; quy hoạch ngành, lĩnh vực</b>			
	Số KTNN kiến nghị (1)	50.205.000	50.205.000	
	Số thực hiện của đơn vị (2)	50.205.000	50.205.000	
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0	0	
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%	100%	
	<b>Kinh phí thực hiện Nghị quyết 37/2016/NQ-HĐND</b>			
	Số KTNN kiến nghị (1)	31.306.000	31.306.000	
	Số thực hiện của đơn vị (2)	31.306.000	31.306.000	
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0	0	
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%	100%	
	<b>Dự toán tình giao kinh phí hoạt động năm 2019 của Trung tâm Chi cục Dân số và KHH gia đình huyện</b>			
	Số KTNN kiến nghị (1)	587.000.000	587.000.000	
	Số thực hiện của đơn vị (2)	587.000.000	587.000.000	
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0	0	
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%	100%	
	<b>Dự toán sự nghiệp giáo dục</b>			
	Số KTNN kiến nghị (1)	2.772.700.000	2.772.700.000	
	Số thực hiện của đơn vị (2)	2.772.700.000	2.772.700.000	
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0	0	
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%	100%	
<b>2.7</b>	<b>Thị xã Quảng Trị</b>			
	<b>Dự toán tình giao kinh phí hoạt động năm 2019 của Trung tâm Chi cục Dân số và KHH gia đình huyện</b>			
	Số KTNN kiến nghị (1)	490.000.000	490.000.000	
	Số thực hiện của đơn vị (2)	490.000.000	490.000.000	
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0	0	
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%	100%	
<b>III</b>	<b>NỢP TRẢ NGÂN SÁCH HUYỆN</b>			
<b>I</b>	<b>Kiểm toán tại các huyện</b>			
<b>1.1</b>	<b>Huyện Cam Lộ</b>			
	<b>Kinh phí hỗ trợ chính sách cho dân tộc thiểu số theo Quyết định 755/QĐ-TTg</b>			
	Số KTNN kiến nghị (1)	201.105.000	201.105.000	
	Số thực hiện của đơn vị (2)	201.105.000	201.105.000	
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0	0	
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%	100%	

TT	Chỉ tiêu Đơn vị	Tổng số	Thu hồi kinh phí thừa nộp NSNN	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau
1.2	<b>Huyện Hải Lăng</b>			
	<b>Kinh phí XD nhà ở phòng tránh bão lụt theo Quyết định số 48/2014/QĐ-TTg thừa tại ngân sách xã</b>			
	Số KTNN kiến nghị (1)	374.000.000	374.000.000	
	Số thực hiện của đơn vị (2)	374.000.000	374.000.000	
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0	0	
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%	100%	
<b>A</b>	<b>GIÁM TRỪ DỰ TOÁN</b>			
<b>I</b>	<b>Tình giảm trừ dự toán năm sau</b>			
<b>1</b>	<b>Kiểm toán tổng hợp tại Sở Tài chính</b>			
1.1	<b>Thành phố Đông Hà</b>			
	<b>Kinh phí hỗ trợ chính sách trợ giúp XH đối với đối tượng bảo trợ XH theo ND 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của CP</b>			
	Số KTNN kiến nghị (1)	315.841.340		315.841.340
	Số thực hiện của đơn vị (2)	315.841.340		315.841.340
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0		0
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%		100%
	<b>Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương: theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP và Nghị định số 44/2019/NĐ-CP</b>			
	Số KTNN kiến nghị (1)	5.840.000.000		5.840.000.000
	Số thực hiện của đơn vị (2)	5.840.000.000		5.840.000.000
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0		0
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%		100%
1.2	<b>Huyện Triệu Phong</b>			
	<b>Kinh phí hỗ trợ chính sách trợ giúp XH đối với đối tượng bảo trợ XH theo ND 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của CP</b>			
	Số KTNN kiến nghị (1)	57.011.500		57.011.500
	Số thực hiện của đơn vị (2)	57.011.500		57.011.500
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0		0
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%		100%
	<b>Kinh phí cấp bù miễn thu thủy lợi phí theo Nghị định số 67/2012/NĐ-CP</b>			
	Số KTNN kiến nghị (1)	32.975.000		32.975.000
	Số thực hiện của đơn vị (2)	32.975.000		32.975.000
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0		0
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%		100%
<b>2</b>	<b>Kiểm toán tại các huyện</b>			
2.1	<b>Huyện Cam Lộ</b>			
	<b>Kinh phí cấp bù học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP</b>			
	Số KTNN kiến nghị (1)	79.537.500		79.537.500
	Số thực hiện của đơn vị (2)	0		
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	79.537.500		79.537.500
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	0%		0%
	<b>Kinh phí hỗ trợ chính sách trợ giúp XH đối với đối tượng bảo trợ XH theo ND 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của CP</b>			
	Số KTNN kiến nghị (1)	479.654.593		479.654.593
	Số thực hiện của đơn vị (2)	479.654.593		479.654.593
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0		0
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%		100%
	<b>Kinh phí đào tạo nghề phi nông nghiệp cho lao động nông thôn</b>			
	Số KTNN kiến nghị (1)	1.340.000		1.340.000
	Số thực hiện của đơn vị (2)	1.340.000		1.340.000
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0		0
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%		100%

TT	Chỉ tiêu Đơn vị	Tổng số	Thu hồi kinh phí thừa nộp NSNN	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau
	<b>Kinh phí hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo vùng khó khăn theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg</b>			
	Số KTNN kiến nghị (1)	4.000.000		4.000.000
	Số thực hiện của đơn vị (2)	4.000.000		4.000.000
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0		0
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%		100%
<b>2.2</b>	<b>Huyện Hải Lăng</b>			
	<b>Kinh phí cấp bù miễn thu thủy lợi phí theo Nghị định số 67/2012/NĐ-CP</b>			
	Số KTNN kiến nghị (1)	17.067.000		17.067.000
	Số thực hiện của đơn vị (2)	17.067.000		17.067.000
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0		0
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%		100%
<b>2.3</b>	<b>Huyện Vĩnh Linh</b>			
	<b>Kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi</b>			
	Số KTNN kiến nghị (1)	23.373.000		23.373.000
	Số thực hiện của đơn vị (2)	23.373.000		23.373.000
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0		0
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%		100%
	<b>Kinh phí học bổng đối với học sinh tại trường PTDT nội trú theo Thông tư 109/2009/TTLT-BTC-BGDĐT</b>			
	Số KTNN kiến nghị (1)	642.620.800		642.620.800
	Số thực hiện của đơn vị (2)	642.620.800		642.620.800
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0		0
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%		100%
<b>2.4</b>	<b>Huyện Đakrông</b>			
	<b>Tình giao dự toán chưa giảm trừ tiền lương thừa 03 chỉ tiêu biên chế hành chính (Do năm 2018, địa phương giao dự toán theo chỉ tiêu biên chế hành chính 99 chỉ tiêu nhưng chỉ tiêu biên chế)</b>			
	Số KTNN kiến nghị (1)	185.992.000		185.992.000
	Số thực hiện của đơn vị (2)	0		
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	185.992.000		185.992.000
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	0%		0%
	<b>Kinh phí đảm bảo xã hội, gồm: trợ cấp thường xuyên các đối tượng 420.655.800 đ; hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng bảo trợ XH 2.726.150 đ; đảm bảo xã hội khác 6.430.400 đ</b>			
	Số KTNN kiến nghị (1)	429.812.350		429.812.350
	Số thực hiện của đơn vị (2)	429.812.350		429.812.350
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0		0
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%		100%
	<b>Kinh phí học bổng đối với học sinh tại trường PTDT nội trú theo Thông tư 109/2009/TTLT-BTC-BGDĐT</b>			
	Số KTNN kiến nghị (1)	65.217.000		65.217.000
	Số thực hiện của đơn vị (2)	65.217.000		65.217.000
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0		0
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%		100%
<b>2.5</b>	<b>Huyện Hương Hóa</b>			
	<b>Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ</b>			
	Số KTNN kiến nghị (1)	177.014.000		177.014.000
	Số thực hiện của đơn vị (2)	0		
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	177.014.000		177.014.000
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	0%		0%



TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Thu hồi kinh phí thừa nộp NSNN	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau
	Đơn vị			
	<b>Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND ngày 23/5/2017 của HĐND tỉnh về kiện toàn mạng lưới khuyến nông và thú y cơ sở</b>			
	Số KTNN kiến nghị (1)	20.348.000		20.348.000
	Số thực hiện của đơn vị (2)	0		
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	20.348.000		20.348.000
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	0%		0%
<b>2.6</b>	<b>Huyện Gio Linh</b>			
	<b>Kinh phí thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 2019 theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính Phủ</b>			
	Số KTNN kiến nghị (1)	139.321.000		139.321.000
	Số thực hiện của đơn vị (2)	139.321.000		139.321.000
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0		0
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%		100%
	<b>Kinh phí thủy lợi phí theo Nghị định số 67/2012/NĐ-CP</b>			
	Số KTNN kiến nghị (1)	6.988.000		6.988.000
	Số thực hiện của đơn vị (2)	6.988.000		6.988.000
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0		0
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%		100%
	<b>Kinh phí chính sách căn bộ ở vùng đặc biệt khó khăn Nghị định 116/2010/NĐ-CP và NĐ 19/2013/NĐ-CP</b>			
	Số KTNN kiến nghị (1)	1.389.529.000		1.389.529.000
	Số thực hiện của đơn vị (2)	1.389.529.000		1.389.529.000
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0		0
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%		100%
<b>2.7</b>	<b>Thị xã Quảng Trị</b>			
	<b>Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương: theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP và Nghị định số 44/2019/NĐ-CP</b>			
	Số KTNN kiến nghị (1)	788.000.000		788.000.000
	Số thực hiện của đơn vị (2)	788.000.000		788.000.000
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0		0
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%		100%
<b>II</b>	<b>Huyện giảm trừ dự toán năm sau</b>			
<b>I</b>	<b>Kiểm toán tại các huyện</b>			
<b>1.1</b>	<b>Huyện Hải Lăng</b>			
	<b>Kinh phí thực hiện hỗ trợ tiền điện hộ nghèo thừa các xã</b>			
	Số KTNN kiến nghị (1)	204.612.000		204.612.000
	Số thực hiện của đơn vị (2)	204.612.000		204.612.000
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0		0
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%		100%
	<b>Kinh phí cấp bù miễn thu thủy lợi phí theo Nghị định số 67/2012/NĐ-CP</b>			
	Số KTNN kiến nghị (1)	11.191.000		11.191.000
	Số thực hiện của đơn vị (2)	11.191.000		11.191.000
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0		0
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%		100%
	<b>Kinh phí Bảo hiểm y tế các đối tượng Bảo trợ XH (Nguồn NS huyện tại Phòng Lao động TB và XH huyện)</b>			
	Số KTNN kiến nghị (1)	26.544.000		26.544.000
	Số thực hiện của đơn vị (2)	26.544.000		26.544.000
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0		0
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%		100%
	<b>Kinh phí hỗ trợ chính sách trợ giúp XH đối với đối tượng bảo trợ XH theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP (Nguồn ngân sách huyện tại Phòng Lao động TB và XH)</b>			
	Số KTNN kiến nghị (1)	59.793.000		59.793.000

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Thu hồi kinh phí thừa nộp NSNN	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau
	Đơn vị			
	Số thực hiện của đơn vị (2)	59.793.000		59.793.000
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0		0
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%		100%
<b>1.2</b>	<b>Huyện Vĩnh Linh</b>			
	<b>Các trường: một số chính sách, mục tiêu tồn hết nhiệm vụ chi</b>			
	Số KTNN kiến nghị (1)	1.162.694.000		1.162.694.000
	Số thực hiện của đơn vị (2)	1.120.994.000		1.120.994.000
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	41.700.000		41.700.000
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	96%		96%
	<b>Các xã: một số chính sách, bổ sung mục tiêu tồn hết nhiệm vụ chi (Vĩnh Thái 60 trđ; Vĩnh Thành 11,4 trđ; Vĩnh Giang 289,5 trđ.)</b>			
	Số KTNN kiến nghị (1)	360.976.700		360.976.700
	Số thực hiện của đơn vị (2)	0		
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	360.976.700		360.976.700
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	0%		0%
<b>1.3</b>	<b>Huyện Đakrông</b>			
	<b>Kinh phí thực hiện Nghị định 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 về sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.</b>			
	Số KTNN kiến nghị (1)	241.572.270		241.572.270
	Số thực hiện của đơn vị (2)	241.572.270		241.572.270
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0		0
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%		100%
	<b>Kinh phí thực hiện Nghị định 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</b>			
	Số KTNN kiến nghị (1)	55.563.410		55.563.410
	Số thực hiện của đơn vị (2)	55.563.410		55.563.410
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0		0
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%		100%
	<b>Nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP, Nghị định số 44/2019/NĐ-CP:</b>			
	Số KTNN kiến nghị (1)	57.841.680		57.841.680
	Số thực hiện của đơn vị (2)	57.841.680		57.841.680
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0		0
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%		100%
<b>1.4</b>	<b>Huyện Hướng Hóa</b>			
	<b>Kinh phí nâng cao chất lượng bộ phận Một cửa theo Nghị quyết 37/NQ-HĐND</b>			
	Số KTNN kiến nghị (1)	127.770.000		127.770.000
	Số thực hiện của đơn vị (2)	127.770.000		127.770.000
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0		0
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%		100%
	<b>Kinh phí chi trả phụ cấp cho đội ngũ nhân viên, CTV khuyến nông, thú y cơ sở</b>			
	Số KTNN kiến nghị (1)	75.766.587		75.766.587
	Số thực hiện của đơn vị (2)	75.766.587		75.766.587
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0		0
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%		100%
	<b>Kinh phí mừng thọ theo Quyết định số 1508/QĐ-UBND</b>			
	Số KTNN kiến nghị (1)	29.200.000		29.200.000
	Số thực hiện của đơn vị (2)	29.200.000		29.200.000
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0		0

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Thu hồi kinh phí thừa nộp NSNN	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau
	Đơn vị			
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%		100%
	<b>Chi phụ cấp cho cán bộ hợp đồng, tạo nguồn theo Quyết định số 1618/QĐ-UBND của UBND</b>			
	Số KTNN kiến nghị (1)	36.812.800		36.812.800
	Số thực hiện của đơn vị (2)	36.812.800		36.812.800
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0		0
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%		100%
	<b>Kinh phí thực hiện chi trả công tác tái tạo mặt bằng thuộc Dự án hỗ trợ đất ở, đất sản xuất theo Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của HĐND tỉnh</b>			
	Số KTNN kiến nghị (1)	31.200.000		31.200.000
	Số thực hiện của đơn vị (2)	31.200.000		31.200.000
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0		0
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%		100%
	<b>Kinh phí cho cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP</b>			
	Số KTNN kiến nghị (1)	405.738.397		405.738.397
	Số thực hiện của đơn vị (2)	405.738.397		405.738.397
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0		0
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%		100%



PHỤ LỤC 02

KIẾN NGHỊ THU HỒI VÀ GIẢM CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NSNN NĂM 2019

(Kèm theo Công văn số 1213/UBND-TM ngày 08/4/2021 của UBND tỉnh QTri)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Thu hồi, nộp NS khoản chi sai quy định (XDCB)	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Giảm giá trị hợp đồng còn lại	Thu hồi các khoản phải nộp NSNN nhưng chưa nộp
	Đơn vị					
	<b>TỔNG SỐ</b>					
	Số KTNN kiến nghị (1)	44.540.339.168	458.748.552	1.071.339.287	19.506.225.941	23.504.025.388
	Số thực hiện của đơn vị (2)	41.133.652.263	449.192.552	828.881.382	16.351.552.941	23.504.025.388
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	3.406.686.905	9.556.000	242.457.905	3.154.673.000	0
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	92%	98%	77%	84%	100%
<b>A</b>	<b>NỢP TRẢ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>					
<b>I</b>	<b>NỢP TRẢ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</b>					
<b>2</b>	<b>Kiểm toán tổng hợp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư và đối chiếu số liệu tại Sở Tài chính và KBNN tỉnh Quảng Trị</b>					
<b>2.1</b>	<b>Chương trình mục tiêu hỗ trợ vốn đối ứng ODA cho các địa phương</b>					
	<b>Đầu tư mua sắm trang thiết bị y tế Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Trị</b>					
	Số KTNN kiến nghị (1)	617.349.388				617.349.388
	Số thực hiện của đơn vị (2)	617.349.388				617.349.388
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0				0
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%				100%
<b>2.2</b>	<b>Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng</b>					
	<b>Cầu Sông Hiếu và đường hai đầu cầu, Hạng mục: Đền bù GPMB</b>	0				
	Số KTNN kiến nghị (1)	156.377.000				156.377.000
	Số thực hiện của đơn vị (2)	156.377.000				156.377.000
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0				0
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%				100%
	<b>Xây dựng CSHT khu tái định cư đường Trần Bình Trọng</b>					
	Số KTNN kiến nghị (1)	174.244.000				174.244.000
	Số thực hiện của đơn vị (2)	174.244.000				174.244.000
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0				0
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%				100%
	<b>Cầu Cam Hiếu huyện Cam Lộ</b>					
	Số KTNN kiến nghị (1)					132.393.000
	Số thực hiện của đơn vị (2)					132.393.000
	Số chưa thực hiện (3=1-2)					0
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%					100%
<b>2.3</b>	<b>Vốn trái phiếu Chính phủ</b>					
	<b>Đường nối KCN Đông Nam Quảng Trị đến cảng Cửa Việt (Đường TT trực tiếp KKT ĐN tỉnh QT)</b>	0				
	Số KTNN kiến nghị (1)	22.189.361.000				22.189.361.000
	Số thực hiện của đơn vị (2)	22.189.361.000				22.189.361.000
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0				0
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%				100%
	<b>Trường Mầm Non Hải An</b>					
	Số KTNN kiến nghị (1)	57.093.000				57.093.000
	Số thực hiện của đơn vị (2)	57.093.000				57.093.000
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0				0
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%				100%
	<b>Trường tiểu học Hải An</b>					
	Số KTNN kiến nghị (1)	9.996.000				9.996.000
	Số thực hiện của đơn vị (2)	9.996.000				9.996.000
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0				0
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%				100%
	<b>Trường MN số 1 Đakrông</b>					
	Số KTNN kiến nghị (1)	49.468.000				49.468.000
	Số thực hiện của đơn vị (2)	49.468.000				49.468.000
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0				0
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%				100%
	<b>Trường MN số 2 Đakrông</b>					
	Số KTNN kiến nghị (1)	29.240.000				29.240.000
	Số thực hiện của đơn vị (2)	29.240.000				29.240.000
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0				0
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%				100%
	<b>Trường MN Hoa Lan-Krông Kiang</b>					
	Số KTNN kiến nghị (1)	68.292.000				68.292.000
	Số thực hiện của đơn vị (2)	68.292.000				68.292.000

TT	Chỉ tiêu Đơn vị	Tổng số	Thu hồi, nộp NS khoản chi sai quy định (XDCB)	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Giảm giá trị hợp đồng còn lại	Thu hồi các khoản phải nộp NSNN nhưng chưa nộp
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0				0
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%				100%
	<b>Trường MN A Vương T.Rụt</b>					
	Số KTNN kiến nghị (1)	20.212.000				20.212.000
	Số thực hiện của đơn vị (2)	20.212.000				20.212.000
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0				0
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%				100%
<b>C</b>	<b>TẠI CÁC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN</b>					
<b>a</b>	<b>Tại các Ban quản lý dự án</b>					
<b>1</b>	<b>Ban Quản lý đầu tư xây dựng khu kinh tế tỉnh Quảng Trị</b>					
	<b>Dự án: San nền và hạ tầng kỹ thuật thiết yếu tại khu vực trung tâm cửa khẩu Quốc tế La Lay</b>					
	Số KTNN kiến nghị (1)	269.879.000			269.879.000	
	Số thực hiện của đơn vị (2)	269.879.000			269.879.000	
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0			0	
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%			100%	
	<b>Dự án: Khu tái định cư xã Hải Khê và đường vào khu tái định cư (giai đoạn I) - Hợp phần 2: Đường vào khu tái định cư (Giai đoạn I)</b>					
	Số KTNN kiến nghị (1)	63.292.000			63.292.000	
	Số thực hiện của đơn vị (2)	63.292.000			63.292.000	
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0			0	
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%			100%	
	<b>Dự án: Hệ thống xử lý nước thải tại Khu công nghiệp Quán Ngang (giai đoạn I)</b>					
	Số KTNN kiến nghị (1)	460.954.000			460.954.000	
	Số thực hiện của đơn vị (2)	460.954.000			460.954.000	
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0			0	
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%			100%	
	<b>Đường nối Khu công nghiệp Đông Nam Quảng Trị đến cảng Cửa Việt (đường Trung tâm trục dọc Khu kinh tế Đông Nam tỉnh Quảng Trị)</b>					
	Số KTNN kiến nghị (1)	7.501.418.000			7.501.418.000	
	Số thực hiện của đơn vị (2)	7.501.418.000			7.501.418.000	
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0			0	
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%			100%	
<b>2</b>	<b>Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Trị</b>					
	<b>Dự án Khu đô thị phía Đông đường Thành Cổ</b>					
	Số KTNN kiến nghị (1)	169.543.894		16.248.424	153.295.470	
	Số thực hiện của đơn vị (2)	169.543.894		16.248.424	153.295.470	
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0		0	0	
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%		100%	100%	
<b>3</b>	<b>Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Trị</b>					
	<b>Dự án Đường nối cầu An Mô vào Khu lưu niệm Tổng Bí thư Lê Duẩn</b>					
	Số KTNN kiến nghị (1)	386.929.000			386.929.000	
	Số thực hiện của đơn vị (2)	386.929.000			386.929.000	
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0			0	
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%			100%	
	<b>Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương</b>					
	Số KTNN kiến nghị (1)	251.410.000	28.587.000	27.455.000	195.368.000	
	Số thực hiện của đơn vị (2)	251.410.000	28.587.000	27.455.000	195.368.000	
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0	0	0	0	
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%	100%	100%	100%	
	<b>Dự án đầu tư xây dựng công trình tuyến tránh Quốc lộ 1 đoạn qua thị xã Quảng Trị (hạng mục cầu Thành Cổ và đường dẫn), tỉnh Quảng Trị</b>					
	Số KTNN kiến nghị (1)	3.174.980.000	112.621.000		3.062.359.000	
	Số thực hiện của đơn vị (2)	3.174.980.000	112.621.000		3.062.359.000	
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0	0		0	
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%	100%		100%	
<b>4</b>	<b>Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Trị</b>					
	<b>Cơ sở hạ tầng khu dịch vụ - du lịch bãi tắm cộng đồng Gio Hải</b>					
	Số KTNN kiến nghị (1)	187.412.000	62.466.000		124.946.000	
	Số thực hiện của đơn vị (2)	187.412.000	62.466.000		124.946.000	
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0	0		0	
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%	100%		100%	

TT	Chi tiêu	Tổng số	Thu hồi, nộp NS khoản chi sai quy định (XD/CB)	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Giảm giá trị hợp đồng còn lại	Thu hồi các khoản phải nộp NSNN nhưng chưa nộp
	Đơn vị					
	<b>Phòng khám đa khoa khu vực Bồ Bản, huyện Triệu Phong</b>					
	Số KTNN kiến nghị (1)	46.086.808		46.086.808		
	Số thực hiện của đơn vị (2)	46.086.808		46.086.808		
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0		0		
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%		100%		
<b>5</b>	<b>Sở Công thương</b>					
	<b>Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2014 - 2020</b>					
	Số KTNN kiến nghị (1)	471.953.812	42.704.638	13.745.068	415.504.106	
	Số thực hiện của đơn vị (2)	461.625.744	37.627.638	8.494.000	415.504.106	
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	10.328.068	5.077.000	5.251.068	0	
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	98%	88%	62%	100%	
<b>b</b>	<b>Tại các huyện kiểm toán</b>					
<b>*</b>	<b>Ban Quản lý dự án các huyện</b>					
<b>1</b>	<b>Huyện Cam Lộ</b>					
	Số KTNN kiến nghị (1)	181.877.650	4.479.000	33.680.650	143.718.000	
	Số thực hiện của đơn vị (2)	0				
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	181.877.650	4.479.000	33.680.650	143.718.000	
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	0%	0%	0%	0%	
<b>2</b>	<b>Huyện Hải Lăng</b>					
	Số KTNN kiến nghị (1)	3.850.127.153	81.656.914	435.596.540	3.332.873.699	
	Số thực hiện của đơn vị (2)	3.850.127.153	81.656.914	435.596.540	3.332.873.699	
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0	0	0	0	
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%	100%	100%	100%	
<b>3</b>	<b>Huyện Vĩnh Linh</b>					
	Số KTNN kiến nghị (1)	72.117.000	9.092.000	17.160.000	45.865.000	
	Số thực hiện của đơn vị (2)	54.957.000	9.092.000		45.865.000	
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	17.160.000	0	17.160.000	0	
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	76%	100%	0%	100%	
<b>4</b>	<b>Huyện Đakrông</b>					
	Số KTNN kiến nghị (1)	531.213.826	63.768.000	286.293.610	181.152.216	
	Số thực hiện của đơn vị (2)	531.213.826	63.768.000	286.293.610	181.152.216	
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0	0	0	0	
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%	100%	100%	100%	
<b>5</b>	<b>Huyện Hướng Hóa</b>					
	Số KTNN kiến nghị (1)	88.864.000	53.374.000	8.707.000	26.783.000	
	Số thực hiện của đơn vị (2)	88.864.000	53.374.000	8.707.000	26.783.000	
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	0	0	0	0	
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	100%	100%	100%	100%	
<b>6</b>	<b>Huyện Gio Linh</b>					
	Số KTNN kiến nghị (1)	422.980.637		186.366.187	236.614.450	
	Số thực hiện của đơn vị (2)	130.934.450			130.934.450	
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	292.046.187	0	186.366.187	105.680.000	
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	31%		0%	55%	
<b>7</b>	<b>Thị xã Quảng Trị</b>					
	Số KTNN kiến nghị (1)	2.905.275.000			2.905.275.000	
	Số thực hiện của đơn vị (2)	0				
	Số chưa thực hiện (3=1-2)	2.905.275.000			2.905.275.000	
	Tỷ lệ thực hiện (4)=(2/1)*100%	0%			0%	